TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:** 70/2018/DS-PT
Ngày 24-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tỏ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLDS-PT ngày 05 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2018; Thông báo mở lại phiên tòa số 191 TB – PT ngày 04 tháng 5 năm 2018; Thông báo mở phiên tòa số 256 TB – PT ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T N, sinh năm 1979, ông Bùi Q H, sinh năm 1972.
Cùng cư trú tại: Số 54 đường K Đ, phường 6, thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Ông Lê V Đ, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Phòng 804 khu C, C cY, phường 9, thành phố Đ L.
Cư trú tại: Số 164 BT X, phường 2, thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Lê V Đ.

(*Các đương sự đều có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện 31/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T N và ông Bùi Q H trình bày:

Do có mối quan hệ thân thiết nên trước ngày 12/02/2015 vợ chồng bà N và ông H có cho ông Đ vay nhiều lần với tổng số tiền là 400.000.000đ. Đến ngày 12/02/2015 thì hai bên đến Văn phòng Công chứng V T lập hợp đồng. Theo hợp đồng vay tiền công chứng số 0607, quyển số 26TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/02/2015, bà N và ông H có cho ông Đ vay số tiền là 400.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 12/02/2015 đến ngày 15/3/2016, lãi suất cho vay tính theo lãi suất của Ngân hàng C t Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng. Về phương thức trả tiền lãi và gốc chia thành 2 đợt:

- Đợt 1: Vào ngày 30/4/2015 ông Đ phải trả cho bà N ông H số tiền 150.000.000đ và lãi suất của tổng số tiền vay.

- Đợt 2: Vào ngày 15/3/2016 ông Đ phải trả cho bà N và ông H số tiền còn lại là 250.000.000đ và lãi suất trong thời gian từ ngày 01/5/2015 đến ngày 15/3/2016.

Theo khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng thì bên A (vợ chồng bà N ông H) đã giao số tiền vay nêu trên cho bên B (ông Đ) bằng tiền mặt trước khi kí hợp đồng này.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm này, ông Đ mới chỉ trả cho bà N và ông H được số tiền 32.500.000đ, cụ thể: Ngày 30/4/2015 trả 20.500.000đ; Ngày 31/5/2015 trả 5.000.000đ; ngày 17/8/2015 trả 4.000.000đ; ngày 27/9/2015 trả 3.000.000đ. Lúc trả ông Đ trực tiếp ghi vào mặt sau của hợp đồng vay tiền.

Sau nhiều lần hẹn trả nợ nhưng không trả, gần một năm nay ông Đ cố tình lẩn tránh nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 367.500.000đ và tiền lãi là 60.000.000đ.

Bị đơn ông Lê V Đ trình bày:

Giữa ông và ông H có quan hệ là thầy trò, vào ngày 12/02/2015 ông cùng ông H, bà N có kí hợp đồng vay tiền tại văn phòng Công chứng V T. Tuy nhiên, trước và sau khi kí hợp đồng thì ông chưa bao giờ được nhận số tiền 400.000.000đ từ ông H và bà N. Vì vậy, việc ông H, bà N khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho ông H, bà N số tiền 427.500.000đ là không có căn cứ, không hợp lý nên ông không chấp nhận.

Ngoài ra vào năm 2014, ông có mượn của ông H số tiền 35.000.000đ. Ông đã trả cho ông H bà N nhiều lần với số tiền tổng cộng là 32.500.000đ.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Đ L đã xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Bùi Q H, bà Nguyễn Thị T N đối với bị đơn ông Lê V Đ.

2- Buộc ông Lê V Đ phải trả cho vợ chồng ông Bùi Q H, bà Nguyễn Thị T N số tiền 427.500.000đ. Trong đó tiền nợ gốc là 367.500.000đ và tiền nợ lãi là 60.000.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 06/02/2018 bị đơn ông Lê V Đ kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Đ L.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê V Đ. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị T N, ông Bùi Q H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê V Đ trả số tiền vay 427.500.000đ, trong đó tiền nợ gốc là 367.500.000đ và tiền nợ lãi là 60.000.000đ. Về phía bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê V Đ, đối chiếu với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện:

Theo khoản 1, Điều 2 của Hợp đồng công chứng số 0607 ngày 12/02/2015 được Văn phòng Công chứng V T chứng thực (BL 03) thì nguyên đơn bà N, ông H có cho bị đơn ông Đ vay số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 12/02/2015 đến ngày 15/3/2016, phương thức giao tiền được thể hiện bên A (vợ chồng bà N, ông H) đã giao số tiền vay nêu trên cho bên B (ông Đ) bằng tiền mặt trước khi ký Hợp đồng công chứng.

Phương thức thanh toán thể hiện bên B (ông Đ) có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi cho bên A (bà N, ông H) làm 02 đợt: Đợt 1 vào ngày 30/4/2015 trả số tiền 150.000.000đ tiền gốc và lãi suất của tổng số tiền vay, đợt 2 vào ngày 15/3/2016 trả số tiền 250.000.000đ và lãi suất của số tiền còn lại. Ngoài ra, nội dung của hợp đồng còn thể hiện nghĩa vụ pháp lý của việc giao kết hợp đồng và được các bên ký xác nhận. Sau khi ký hợp đồng vay thì bị đơn ông Đ chỉ trả được cho nguyên đơn số tiền 32.500.000đ, khi trả ông Đ trực tiếp ghi vào mặt sau của Hợp đồng vay tiền ngày 12/02/2015, do vậy số tiền nợ gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 367.500.000đ. Về phía bị đơn ông Đ không thừa nhận đã nhận tiền vay của nguyên đơn và cho rằng số tiền 32.500.000đ là trả cho khoản vay 35.000.000đ mà bị đơn đã vay của nguyên đơn vào năm 2014. Tuy nhiên tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn lại không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, trong khi đó nguyên đơn bà N, ông H không thừa nhận nên cấp sơ thẩm xác định bị đơn ông Đ còn nợ của nguyên đơn bà N, ông H số tiền gốc 367.500.000đ là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi: Theo thỏa thuận giữa các bên thì lãi suất cho vay được tính theo lãi của Ngân hàng C t Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng. Như vậy, lãi suất cho vay trong hạn từ tháng 10/2014 cho đến nay là 9,5%/năm, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi ngay đợt 1 của hợp đồng nên số tiền lãi trong hạn và quá hạn bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính từ ngày 12/02/2015 đến ngày 31/10/2017 là trên 100 triệu đồng, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi 60.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê V Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê V Đ: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Đ L về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" giữa nguyên đơn ông Bùi Q H, bà Nguyễn Thị T N với bị đơn ông Lê V Đ. Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Bùi Q H, bà Nguyễn Thị T N đối với bị đơn ông Lê V Đ.

Buộc ông Lê V Đ phải trả cho vợ chồng ông Bùi Q H, bà Nguyễn Thị T N số tiền 427.500.000đ (Bốn trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 367.500.000đ và tiền nợ lãi là 60.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc ông Lê V Đ phải chịu 21.100.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm tổng cộng là 21.400.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ ông Đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0004466 ngày 06/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ L. Bị đơn ông Lê V Đ còn phải chịu 21.100.000đ (Hai mươi mốt triệu một trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T N, ông Bùi Q H số tiền tạm ứng án phí 10.560.000đ (Mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004154 ngày 03/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND TP Đ L;
- CCTHADS TP Đ L;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự ;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Đã ký

Nguyễn Hữu Mừng